

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và
tái định cư (đợt 42) Khu phi thuế quan thuộc dự án Bồi thường,
giải phóng mặt bằng các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định.

Xét đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu phi thuế quan, Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 28/TTr-HĐBT ngày 30/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư (đợt 42) Khu phi thuế quan thuộc dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: **3.344.838.327** đồng (Ba tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng)

Trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 3.189.835.936 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)

+ Giá trị hỗ trợ tiền thuê nhà ở: 48.000.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm)

+ Thuởng đẩy nhanh tiến độ GPMB: 35.000.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm)

+ Chi phí phục vụ GPMB (2%): 65.456.719 đồng

+ Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế (0,2%): 6.545.672 đồng

- Nguồn vốn chi trả: Ngân sách Nhà nước.

2. Về tái định cư: Bố trí 14 lô đất tái định cư cho 04 hộ và 10 cặp vợ chồng tăng thêm trong hộ; tổng số tiền sử dụng đất ở các hộ, cá nhân phải nộp là 1.130.500.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 04 đính kèm)

Điều 2. Thường trực Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu phi thuế quan, Khu kinh tế Nhơn Hội tổ chức thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư Khu phi thuế quan, Khu kinh tế Nhơn Hội; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ dân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Indon

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K6. *Jul*



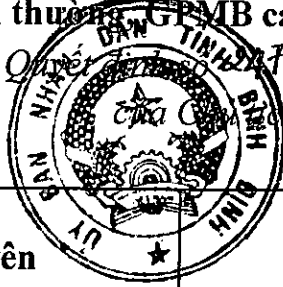
**KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI DIỆN CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

Phụ lục 01

Giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 42) Khu phi thuế quan thuộc dự án Bồi thường GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

(Kèm theo Quyết định 1474/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh)



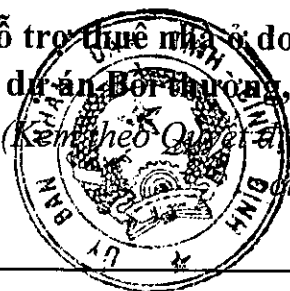
Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ
1	Nguyễn Đình Thiên Nguyễn Thị Kim Anh	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	480.975.434
2	Bưu điện tỉnh Bình Định	127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	95.557.766
3	Viễn Thông Bình Định	33 Nguyễn Trãi, thành phố Quy Nhơn	4.094.155
4	Trần Thị Mai Thái Ngọc Thọ	Thôn Đại Hữu, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	83.393.865
5	Trương Văn Hùng (chết) Khổng Thị Bích Đính	Khu vực 1, Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	53.156.600
6	Phan Thị Cường	Thôn Nhơn Phước, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	21.959.900
7	Nguyễn Điều	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	0
8	Văn Đình Cu Đặng Thị Cúc	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	463.086.820
9	Huỳnh Tân (chết) Nguyễn Thị Đoàn (đại diện)	Tổ 4, thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	1.195.454.049
10	Trần Hữu Hòa Trần Thị Tuyết	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	792.157.347
Tổng cộng			3.189.835.936

Trần Văn Hùng

Phụ lục 02

Giá trị hỗ trợ thuê nhà ở do giải phóng mặt bằng (đợt 42) Khu phi thuế quan thuộc dự án Đô thị trung tâm, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội (Kèm theo Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà
1	Nguyễn Đình Thiên Nguyễn Thị Kim Anh	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
2	Văn Đình Cu Đặng Thị Cúc	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
3	Huỳnh Tân (chết) Nguyễn Thị Đoàn (đại diện)	Tổ 4, thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
4	Trần Hữu Hòa Trần Thị Tuyết	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	12.000.000
Tổng cộng			48.000.000

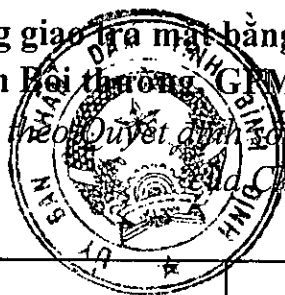
Trần Đình

Phụ lục 03

Giá trị thưởng giao trả mặt bằng sớm do GPMB (đợt 42) Khu phi thuế quan
thuộc dự án Hội trường GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

(Kèm theo Quyết định số 2471 /QĐ-UBND ngày 11/7/2017

của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Cấp nhà	Giá trị thưởng giao trả mặt bằng (nếu có)
1	Nguyễn Đình Thiên Nguyễn Thị Kim Anh	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₅	7.000.000
2	Trần Thị Mai Thái Ngọc Thọ	Thôn Đại Hữu, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	N ₈	7.000.000
3	Văn Đình Cu Đặng Thị Cúc	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₆	7.000.000
4	Huỳnh Tân (chết) Nguyễn Thị Đoàn (đại diện)	Tổ 4, thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₅	7.000.000
5	Trần Hữu Hòa Trần Thị Tuyết	Thôn Hội Lợi, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	N ₅	7.000.000
Tổng cộng				35.000.000

Trần Hữu Hòa

Phụ lục 04

Bố trí đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp của các hộ gia đình, cặp vợ chồng bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng (đợt 42) Khu phi thuế quan thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

(Kèm theo Quyết định số ~~2411~~ /QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Lô đất bố trí tái định cư						Tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Tên đường	Khu	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Đơn giá đất sát giá thị trường (đồng/m ²)		
I	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Nam 2									
1	Nguyễn Đình Thiên Nguyễn Thị Kim Anh	Hội Lợi, Nhơn Hội	24	ĐSA13	ĐO1	200	400.000	450.000	80.000.000	Nộp 200m ² theo đơn giá đất cụ thể
2	Nguyễn Duy Vinh Nguyễn Thị Thiên Trang	Hội Lợi, Nhơn Hội	15	ĐSA12	ĐO1	150	400.000	450.000	65.000.000	Nộp 50m ² theo đơn giá đất cụ thể và 100m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 2 trong hộ Nguyễn Đình Thiên)



Trần Văn

3	Trần Văn Đăng Văn Thị Liên	Hội Lợi, Nhơn Hội	11a	ĐSA12	ĐO1	150	400.000	450.000	67.500.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 2 trong hộ Văn Đình Cu)
4	Nguyễn Thị Doàn (đại diện)	Hội Lợi, Nhơn Hội	47	ĐSA5	ĐO6	250	400.000	450.000	100.000.000	Nộp 250m ² theo đơn giá đất cụ thể
5	Huỳnh Phạm Vũ Dương Thị Bảo Yến	Hội Lợi, Nhơn Hội	10	ĐSA12	ĐO1	150	400.000	450.000	65.000.000	Nộp 50m ² theo đơn giá đất cụ thể và 100m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 2 trong hộ Huỳnh Tân)
6	Huỳnh Văn Lộc Nguyễn Thị Kim Hương	Hội Lợi, Nhơn Hội	14b	ĐSA12	ĐO1	150	400.000	450.000	67.500.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 3 trong hộ Huỳnh Tân)
7	Nguyễn Thái Dân Huỳnh Thị Định	Hội Lợi, Nhơn Hội	14a	ĐSA12	ĐO1	150	400.000	450.000	67.500.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 4 trong hộ Huỳnh Tân)
8	Huỳnh Chí Nguyễn Thiên Long Nguyễn Thị Thu	Hội Lợi, Nhơn Hội	13	ĐSA12	ĐO1	150	400.000	450.000	67.500.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 5 trong hộ Huỳnh Tân)
9	Huỳnh Hoài Thanh Huỳnh Thanh Kiều	Hội Lợi, Nhơn Hội	12	ĐSA12	ĐO1	150	400.000	450.000	67.500.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 6 trong hộ Huỳnh Tân)

10	Nguyễn Văn Lân Huỳnh Thị Huyền Thanh	Hội Lợi, Nhơn Hội	11b	ĐSA12	ĐO1	150	400.000	450.000	67.500.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 7 trong hộ Huỳnh Tân)
11	Dương Lý Trường Huỳnh Thị Anh Đào	Hội Lợi, Nhơn Hội	9b	ĐSA12	ĐO1	150	400.000	450.000	67.500.000	Nộp 150m ² theo đơn giá đất sát với giá thị trường (lô thứ 8 trong hộ Huỳnh Tân)
12	Huỳnh Văn Lợi	Hội Lợi, Nhơn Hội	25b	ĐSA9	ĐO5	100	-	1.500.000	150.000.000	Nộp 100m ² theo đơn giá đất ở thị trường là 1.500.000 đồng
II Khu tái định cư Nhơn Phước giai đoạn 2 và phần mở rộng về phía Bắc 15ha										
1	Văn Đình Cu Đặng Thị Cúc	Hội Lợi, Nhơn Hội	330	ĐS4A	B5	200	500.000	550.000	100.000.000	Nộp 200m ² theo đơn giá đất cụ thể
2	Trần Hữu Hòa Trần Thị Tuyết	Hội Lợi, Nhơn Hội	92	ĐS27A	B1	200	490.000	530.000	98.000.000	Nộp 200m ² theo đơn giá đất cụ thể
Tổng tiền sử dụng đất phải nộp									1.130.500.000	